

NGHĨA CHỮ KHÔNG TRONG HỌC PHẬT

(Tiếp theo số 49 và hết)

Muốn cắt cho rõ thêm nữa, để nhận biết cái tinh cách và địa vị của tám thức, ta có thể dẫn một bài kệ như sau này :

Huyñh đệ bát cá nhất nhân si

兄弟八個一人痴

Độc hữu nhất cá tối linh lợi

獨有一個最伶俐

Ngũ cá môn tiền tác mại mại

五個門前作買賣

Nhất cá gia trung tác chủ y

一個家中作主依

Bài này vì tám thức cũng như tám anh em. Câu thứ nhất nói thức thứ bảy, si là mê mụ ; câu thứ nhì nói thức thứ sáu, linh lợi là nhanh nhẹn ; câu thứ ba nói năm thức trên, mại mại là tùy theo cảnh ngoài mà ứng tiếp ; câu thứ tư nói thức thứ tám, chủ y là làm chủ cả bảy thức. Bốn câu này tuy là nói tinh cách và địa vị của tám thức, nhưng tám thức vốn liên lạc với nhau. Đáng chú ý nhất là ở chữ si, nhưng cái si chứa vào đâu, tất là phải có chỗ chủ y, cái si đã có chỗ chủ y thì linh lợi là linh lợi ở trong chữ si, mại mại là mại mại ở trong chữ si. Vậy muốn phá bỏ cái si, trước nhất phải tìm đến thức thứ bảy, mà muốn chữa cái si của thức thứ bảy, lại phải tìm đến thức thứ tám.

Theo như những lẽ lược giải trên này, thì nghĩa chữ

thức rất rộng và rất cao, thức tức là chi thứ ba ở trong mười hai nhân duyên, quán thông cả tam thế là quá khứ, hiện tại và vị lai. Khi đức Phật-tổ truyền giáo tuy có nói đến thức uẩn, song phần nhiều là nói về sáu thức, mà ít khi nói đến thức thứ bảy và thức tám là vì hai thức này thuộc về một môn tâm-học cực kỳ thâm vi, đến đức Thế-thân mới làm ra bộ Duy-thức nhị-thập-luận và Tam-thập-tụng sau các vị đại-sư lại làm thêm ra bộ Hiền-thức và bộ Thònh-duy-thức. Học Duy thức sau thành ra tôn Pháp-tướng là một học-phái rất cao ở Trung quốc và ở Nhật-bản. Thuyết giả tóm tắt những điều ngành-khai lược thuật ra đây, chữa lấy gì làm tường-mật, chẳng qua chỉ là nói được một vài phần trong mấy mươi nghìn vạn phần, mong rằng cá: nhà hiểu học sẽ dụng công bác-ước, mà tự liên hội lấy, rồi sẽ biết học Duy-thức là một môn học rất có bổ ích cho môn triết-học ở hiện thời vậy.

Theo như trên, đã kể qua đại lược về ngũ uẩn, là sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Sắc-uẩn khởi ra trước, dần dần thu vào đến thức-uẩn; thức uẩn kết thúc ở cuối cùng, lại dần dần mở ra đến sắc uẩn, năm tầng năm lớp, cái nọ nương tựa vào cái kia. Có sắc thân là bởi từ-đại-sập lại mà thành, thế thì trong từ đại cái gì là ngã, hay là cả từ đại đều là ngã. Lấy ngay thời gian mà xét, ấu, thiếu, tráng, lão, mỗi lúc một thay đổi, nếu quả có ngã: sao ngã lại thay đổi mãi, mà trong những lúc thay đổi ấy lúc nào là ngã? -- Tìm ngã ở trong sắc không được, lại tìm ở thụ. Ta cho là linh thụ được ngoại cảnh là ngã, song cảnh không giống nhau, thụ cũng theo cảnh khác nhau, vậy khi-thụ là ngã, hay lạc-thụ là ngã, lúc chứa thụ và lúc đã thụ lúc nào là ngã? -- Tìm ngã ở thụ không được, ta lại cho

là tướng mới thực là ngã. Song tướng bởi thụ mới có, thụ đã không có thường định, thì tướng không phải là chân thực. Vậy tướng cũng không phải là ngã. -- Tim ngã ở tướng không được, lại tìm ở hành. Ta cho rằng hành động là có sự thực, thế thì hành-động được tức là ngã. Song phạm những sự tạo-lác, là bởi những sự sai biệt ở trong ý tướng mà gây ra. Nếu tướng đã không phải là ngã, sao lại gọi hành là ngã -- Tim ngã ở trong hành không được, lại tìm đến thức. Ta cho rằng sắc, thụ, tướng, hành, đều không phải là ngã, mà hiểu biết được như thế, là thuộc về phần thức vậy, vậy thức có thể cho là ngã. Song sắc, thụ, tướng, hành, là thuộc về phần « sở-tri », mà thức là thuộc về phần « năng-tri ». Phần sở-tri đã không có thật, thì phần năng tri nương tựa vào đâu. Xem như thế, thức cũng không phải là ngã. Cả ngũ-uẩn đều không phải là ngã, cho nên trong Tám-kinh có nói rằng: « Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thụ, tướng, hành, thức, diệt phục như thị. . . ». Ngã là bởi cả ngũ-uẩn hợp lại mà thành, nay năm thức ấy đã không có thật, thì ngã cũng không có thật, bởi thế gọi là ngã-không.

2. Pháp-không,

Pháp là gì? Hết thấy cái gì hiện ra, bày ra, mà ta coi là như có lẽ lối, khuôn-mẫu, lệ-luật, để cho ta theo, hoặc là ta bắt buộc phải chịu, hoặc là ta phải tìm cách để đối-phó lại, đều gọi là pháp. Ví như sinh, lão, bệnh, tử, khôn; trụ, hoại, diệt, những cái ta muốn cưỡng mà không cưỡng được, muốn dò xét mà không dò xét được. Rút cục, phải để cho nó là hoặc nhiên, hay là tự nhiên. Nhà Phật cất nghĩa chữ pháp là « Quĩ-tri », quĩ là đường lối, tri là noi giữ. Vậy pháp là những con đường hữu hình, hoặc vô hình ở trong cõi đời, để cho người đi theo lên trên. Pháp có rất nhiều, bởi thế mới gọi là vạn-hữu-pháp, là pháp của hết thảy những cái có, nhưng có thể gọi

chung là thể-pháp. So với chữ ngã đã nói ở trên, thì ngã là thuộc về thân người, mà pháp là thuộc về đời người. Nhà Phật chia thể pháp có hai thứ, thứ nhất là phàm-phu thể-pháp, thứ nhì là ngoại đạo thể-pháp. Thế nào là phàm? tất cả những giống hữu tình ở trong tam giới, vì làm-nghiệp mà mê-mụ, vì ngũ-trọc mà chìm đắm. đều gọi là phàm. Trong lục đạo, trên từ thiên đạo dưới đến địa-ngục đều gọi là lục phàm, phàm là ó trọc, chưa vào được cõi giác-ngộ, là cõi thanh-tịnh. Phàm phu đối với thể-pháp, tuy có rất nhiều quan niệm, song tóm lại chỉ có hai phương-diện: một là lẫn lộn mà theo đuổi, hai là chán nản mà vứt bỏ. Song nếu lẫn-lộn với đời, thì thể-pháp là một lao cảnh, càng lẫn-lộn càng vất vả, được thì mong giữ lấy, lại muốn được thêm, không được thì cay, cầu, chật vật, cầu làm sao cho được, rút cục lại, thân chỉ làm nhẹ thân, thể-pháp còn có sinh thú gì. Nếu chán nản với đời, thì thể-pháp là một sầu cảnh, càng chán nản, càng buồn bã, vốn tươi tốt mà coi ra đu-hiu, vốn đầm ấm mà coi ra nguội lạnh, vốn đóng đúc mà coi ra quạnh vắng, rút cục lại, thân lại làm bực thân, thể pháp còn có lạ: thú gì, đó là hai phương diện đối với thể pháp, của bậc phàm phu, đều gọi là pháp-chấp.

Đến như, ngoại-đạo thể pháp là những cách biện thuyết và lý giáo các đạo học-phái, sđđ gọi là ngoại-đạo là những phái ấy còn ở ngoài đạo Phật và chưa vào được trong đạo Phật. Ngoại đạo đối với thể pháp có rất nhiều lý thuyết. Phái thì cho vạn-hữu bởi trời sinh ra, như thuyết « Đại-hồn-thiên » của đạo Bà-la-môn, cho là bởi đấng mà sinh ra người, rồi nếu người nào tu hành sẽ được trở lại về đấng. Phái thì cho cõi đời chịu quyền cai quản thưởng phạt của các quỷ thần, như thuyết « họa phúc » của đạo Phiếm Thần cho là số mệnh của mọi loại đều có thần coi giữ cả. Phái thì cho người ta đến sau lúc chết là mất hẳn gọi là sinh đoạn. Phái thì cho người ta đến lúc sau chết lại có đời khác nối theo, gọi

là sinh tục. Song nếu bảo là trời sinh ra vạn-hữu thì trời tự đâu sinh ra, nếu bảo cõi đời thuộc về thần quyền, thì thần ở vào chỗ nào, nếu bảo là người ta đến lúc chết là hết, thì lúc người ta sinh, bởi đâu mà ra, nếu bảo là đời người nối mãi thì sao lại có số ư chết, đó là những lý thuyết của bên ngoại đạo, cũng đều gọi là pháp chấp cả. Tóm lại cả bên phàm phu vì bên ngoại đạo đều câu chấp về thể phip, cho thể pháp là có thật, rồi đo lường, ưc đạc, hoặc cho là thể này, hoặc cho là thể kia, thể gọi là kiến tư hoặc, nghĩa là những sự sai lầm bởi thấy biết nghĩ ngợi mà sinh ra vậy.

Song thể pháp bởi đâu mà sinh ra? Trong kinh dạy rằng: « Pháp tùng duyên sinh, tùng duyên diệt », duyên là duyên trợ, cái nọ tựa vào cái kia, cái này giúp cho cái khác. Ta sở dĩ gọi được tên cái gì là vì nó có danh, thể là pháp duyên danh; ta sở dĩ nhận biết được cái gì là vì nó có tướng, thể là pháp duyên tướng. Danh là tự ta đặt ra, tướng là tự ta phân biệt ra, nếu không có danh, tướng, thì làm gì có pháp. Xem thể thì pháp cũng không có thực, bởi thể mới gọi là pháp không. Nay hợp cả ngã không và pháp không mà bán gộp lại thì ngã là thuộc về thân người, pháp là thuộc về đời người, không là không có thực, bởi vì, ngã là bởi ngũ uẩn mà sinh ra, pháp là bởi danh tướng mà sinh ra, nếu ngũ uẩn và danh tướng đều là hư vọng thì ngã và pháp chắc không phải là chân thực. Đó là theo lý thuyết ở trong Phật học. Cho thân và đời đều không có thật, song đã mấy người hiểu mà tin? Thân người và đời người là hai cái liên lạc ở trong sự sống, hỉ, nộ, ái, lạc, không phải pháp thì là gì? Sinh, lão, bệnh, tử, không phải pháp thì là gì? Ngã và pháp trừ trừ như thể. Nếu quả quyết cho là ngã không và pháp không, chưa chắc đã có mấy người công nhận thuyết ấy. Nhưng chúng ta nên biết rằng đạo Phật lập ra thuyết không, cốt để trừ bỏ những mối chấp trước của người đời. Ngã chẳng phải là không có, nhưng cái ngã mà ta đeo đẳng là giả-ngã.

pháp cũng phải là không có nhưng cái pháp mà ta theo đuổi là giá pháp. Vì rằng giá mà người đời cư cho rằng thực mới sinh ra nhi u nổi vọng hoặc giác hoàng lương ngôn ngữ, mà người vẫn thêm thuồng, bóng thương cầu mơ hồ mà người còn mển liếc. Than ôi! lấy giá làm chân, thật là một cái nhàm to vậy. Cái nhàm ấy, ở trong làm nhiều loạn tâm trí, ở ngoài làm điên đảo hành vi, ta thử xem những sự tư lợi, làm hình dịch cả thân thể, những việc tham ó, làm điếm nhục cả phẩm giá, những cuộc cưỡng nhược cạnh tranh, làm thương tàn cả nhân loại, có phải là bởi ngã-chấp và pháp chấp gây ra không? Đời vốn chuộng đạo đức, mà đạo đức thành ra không có chỗ dùng đời vốn chuộng học thuật, mà học thuật lại hóa ra diễn-đài của trò quý-quyệt lợi khi cửu mỗi phần tranh có phải là cái lưu lệ ghê gớm của ngã-chấp và pháp-chấp không? Xưa nay đã có nhiều nhà hiền-triết, từng hao tổn bao nhiêu gan óc, từng phí phạm bao nhiêu mồ-hối nước mắt, vì đời người mà hết lòng vun đắp, ra công dạy dỗ, lại cố sức sửa đổi chạy chữa, song đầu giáo-đục tưởng bị thế nào chính trị tình mật thế nào, cũng chỉ là những phương pháp tạm thời, như giữ chiều nào che chiều ấy, chứ vẫn chưa có cách nào giải quyết rõ ràng được những cái lý do của đời người, mà tìm phương bổ-cứu cho được lâu dài. Ai là người đã có tâm lòng sốt sắng, con mắt cao xa mà chẳng muốn lo linh cho đời, song cứu đời ở trong ngã-chấp và pháp-chấp khác nào như gọi người ở trong hòm kín mà nắp vẫn đóng, thì người vẫn không có lối ra. Phật-tử biết rõ bệnh căn của đời ở hai chỗ ấy, cho nên mới đem thuyết nhị không để phá tan hai cái chấp, tức là mở nắp hòm cho người có lối ra vậy. Nay ta thử bìn tâm mà nghĩ nhận, cái gì canh canh ở bên lòng, mà ta muốn vứt đi cũng không được, cái ấy tức là ngã chấp, cái gì lần quất ở bên mình ta mà ta muốn gỡ ra cũng không được, cái ấy tức là pháp chấp, chấp chỉ là những nỗi vướng víu,

những chỗ ngăn cản như cái giầy nó buộc ta, cái hàng rào nó chặn đường lối của ta, mà cởi giầy ấy là tự ta tháo, thì tự ta có thể cởi được, cái hàng rào ấy là tự ta lấp, thì tự ta có thể mở được. Ta tự khắc lấy đấng mà suy ra nghĩa chữ không vậy.

Ta chớ nên tưởng rằng ngã-không là bỏ hẳn ngã, pháp-không là bỏ hẳn pháp, bỏ ta bỏ vật-dục, là cái ngã vô-minh, bỏ là bỏ cái cảnh giới, là cái pháp vô-trường, mà tìm lấy cái chân, chân là cái tâm của ta vậy. Cái tâm vốn như nước trong, vì vật dục mà có bùn cát, vốn im lặng, vì cảnh giới mà có sóng gió. Nay vật dục không, thì ngã trong sạch, cảnh giới không, thì pháp bình tĩnh, trong Phật-học gọi thế là chân-không.

Vì thấy có nhiều người chưa hiểu nghĩa không mà ngỡ là quái đản, lại vì hiểu nhầm mà cre là yếm-thế, cho nên thuyết-giả mới đem nghĩa nhị-không lược giải ra đây, mong rằng sẽ giúp được một vài ý kiến cho những nhà học-học. Theo ý riêng của thuyết-giả, thì đạo không là một triết lý rất quan trọng với cuộc nhân sinh, thâu suốt hẳn được đạo không, là bậc thánh bậc Phật, hiểu được phần to trong đạo không, là hiền nhân quân tử, t-ê nhận được phần nhỏ trong đạo không, cũng đủ cỡ dần được mọi đường, phiền não, làm cho tâm thần vui vẻ và nhẹ nhàng. Đạo Phật dạy người có bốn điều là tin, giải, hành, chứng. Chúng ta muốn tin đạo không, cần phải tự lĩnh hội lấy, mà hiểu ra dần dần lại cần phải tinh tiến mà thực-hành, rồi sẽ chứng, đến cõi không. Vậy đạo không tuy là một triết lý, song cứu-cánh là một chứng-cánh không phải là ngôn-thuyết có thể diễn giảng liết được.

BÙI - KỶ

CHUYỆN LUẬN HỒI QUÁ BẢO

Tại Tấn - châu, huyện Cổ-thành có một người kêu là Trương thiện-hữu, bình nhật tụng kinh niệm Phật, làm phúc làm lành; Vợ tên là Lý-thị thì chổ kiến-hiểu cạn cợt, Hai vợ chồng không con, gia đạo giàu có. Kế cận có nhà tên Triệu-dinh-Ngọc, nghèo khổ gian nan, bình nhật giữ theo pháp nghèo hèn, khi đó bà tuân mẫu bắt hạnh chít đi, nhà nghèo không tiền mai táng, nhờ lại nhà ông Trương thiện-Hữu, tiền của dư nhiều, tôi ăn trộm lấy mà dùng; tính rồi bờ cạnh thâm dạ tịm, đục tường vào lấy, ước chừng sáu chục lượng đem về sắm mua quan quách, tần liệm mai táng rồi, ngồi nghĩ thầm rói: mình không phải làm nghề ăn trộm này; nhân vì nhà nghèo không tiền chôn mẹ, cho nên làm ra cơ sự này, gây nên việc rối nhà người, bèn ra đờng giữa trời phát nguyện: kiếp này tôi trả không đặng, kiếp sau tôi lo đền trả của ấy. Trương-thiện-Hữu qua ngày sau, thấy vách thủng một lỗ, biết mình mất của, xem xét lại, tiền bạc trong rương mất hết sáu lượng; ông thiện-hữu sẵn lòng tốt, chẳng sá chi năm chục sáu chục lượng bạc, người vợ tiếc bạc nói hoài, tiếc công cần kiệm dành dè không dám ăn sai; để cho ăn trộm nó dùng; đờng than nói vừa rồi, thoát đầu có một vị hòa thượng đi tới tìm nhà ông Trương thiện-Hữu ông Thiện-hữu ra mừng rỡ rước vào, bạch sư phụ ở đâu lại? Ông hòa-thượng trả lời: ta ở Ngũ-đái Sơn, nhân vì chùa điện Phật hư nát, nay tôi hạ san đi khuyến hóa kiếm ít nhiều đặng về tu bổ chùa lại, thì bá tánh và đạo người cúng đặng hơn một trăm lượng bạc; còn thiếu chút đỉnh, tôi muốn gửi bạc lại tại đây, đặng đi qua địa phương khác kiếm thêm ít nhiều nữa; tôi sẽ trở lại mà lấy bạc rồi về nói, ông Trương-thiện-Hữu nói: Vậy tốt lắm, sư phụ có gửi cho chúng tôi một muôn lượng cũng không mất, sư phụ chừng nào việc rồi lại lấy bạc mà về. Ông Hòa-thượng mới đem bạc đến giao gửi mình bạch; ông Thiện-

hữu lãnh bạc giao cho vợ thâu cất. Bà vợ của ông Thiện-hữu bước ra thính sự-phụ ở lại ăn cơm ; ông Hòa-thượng nói ; khó nhọc hai ông bà tôi không muốn, để tôi xin đi, ông Thiện-hữu nói : bạc sự phụ gửi đó tôi giao cho vợ tôi thâu cất ; như sự phụ có lại lấy bạc về, e tôi có đi hỏi nên nói trước. Ông hòa-thượng từ tạ ra đi, bà Lý-thị lấy bạc ông hòa-thượng rất vui mừng, tự nghĩ trong nhà mình mất sáu chục lượng bạc ; ông Hòa-thượng ở đâu không biết đem lại trả hơn một trăm lượng bạc, có lời dặng mấy chục lượng, liền sanh lòng mong đoạt của đó ; kể ít ngày ông Trương-thiện-Hữu đi qua miếu Đông-nhạc-đế dặng lễ cầu tự. nói với bà vợ : như tôi đi khỏi rồi, bạc của Sự-phụ gửi, bà thâu cất, sự phụ có lại, chẳng luận là có tôi, bà phải giao cho đủ dặng sự phụ về. sự-phụ muốn ăn cơm, bần thân bà phải nấu dọn cúng dặng ; bà làm dặng như vậy thiệt là lớn phần công đức. Bà Lý-thị nói : Việc ấy mặc thiếp lo toan. Ông Thiện-hữu nói rồi từ giã ra đi hành hương ; cách một ngày ông Hòa-thượng trở lại, hỏi ông Thiện-hữu lấy bạc về nói, bà Lý thị nói : chồng tôi đi khỏi, nhà tôi đây không có ai gửi vàng bạc nào ; Vậy thời sự phụ nhìn thăm nhà chẳng ? Ông Hòa-thượng nói : ngày trước tôi gửi cho ông Trương-thiện-Hữu, thì ông giao bạc lại cho cô thâu cất, nay cô nói làm sao vậy. Bà Lý-thị thề nói : tôi có thâu của đó xin cho tôi hai con mắt trào máu. Ông Hòa-thượng nói : Cô thề như vậy, là cô muốn đoạt của ấy. Bà Lý-thị nói : tôi muốn đoạt của ấy, xin cho đọa vào mười tám tầng địa ngục. Ông Hòa-thượng thấy thề như vậy, rõ ràng người quyết đoạt của mình rồi, người là đờn bà, không lý mình thấy tu mà tranh luận. Ông Hòa-thượng chấp tay niệm Nam-mô A-di-đà-Phật, tôi quyền tiền thập phương hiền đạo, về dặng làm chùa và điện Phật, nay tôi gửi bạc cho vợ chồng cô, cô quyết đoạt của ấy thời thôi, vợ chồng cô đời nay gạt bạc này, đời sau cũng phải đền trả, thiếu một đồng, không dặng. Ông Thiện-Hữu về hỏi sự bạc ông Hòa-thượng gửi, Lý-thị nói dối với chồng : ông

đi rồi ông Hòa-thượng trở lại lấy liền ; tôi trao cho ông Hòa-thượng về rồi. Ông Thiện-hữu nói : Vậy lỗi lầm, cách hai năm bà Lý-thị đẻ đặng một người con trai, từ ngày đẻ người con đó ra, gia nghiệp càng ngày càng giàu to, cách năm năm đẻ đặng một người con trai nữa, người con lớn tên là Khất-tăng, người thứ tên là Phước-tăng ; tên Khất - tăng khôn lớn rồi, lo việc gia đạo, cần kiệm cần - thân, thức khuya dậy sớm, có tánh hà tiện bôn rít, không chịu lãng phí một đồng tiền, gia nghiệp thiệt giàu có lớn, tên Phước tăng từ ngày khôn lớn, tập tánh uống rượu đánh bạc, năm tiền bạc không kịp nóng tay, mỗi ngày có chúng tôi đòi nợ ; trả rồi chủ này, chủ khác tôi, tên Khất-tăng kêu trời than khóc ; ông Thiện-hữu thương thẳng con lớn không cùng, thẳng nhỏ phần ăn, phần phá, ông lập chủ ý, đem gia sản phân ra làm ba phần ; hai đứa con mỗi đứa một phần, hai vợ chồng ông một phần, tên Phước - tăng được của tiền vào tay rồi, không có ai câu thúc, mặc dầu tiêu phá, không đầy một năm hết sạch, phá thêm của hai ông bà hết nữa, rồi đánh mắng người anh, bạc tiền mặc dầu lấy ; thấy anh em như vậy, Khất-tăng sầu khóc mang bệnh, năm xuống rồi không dậy ; lương y điều trị không giảm, thịt tiêu xương lộ gần chết, ông Thiện-hữu nói : Đứa làm nên gia nghiệp thời chí tử, đứa phá hại thời mạnh giồi chằm chằm ; phải chi trời đất để thẳng nhỏ, nó đau thế cho thẳng nhỏn, tôi lấy làm bằng lòng lắm. Tên Khất tăng phát thổ lên, một dần rồi hết thổ, ông Thiện hữu vợ chồng thương khóc rất tiếng, Phước tăng thấy anh chết rồi để tiền bạc lại về tay anh ta thụ dụng, bà Lý thị thấy vậy ào ão, đêm ngày thương nhớ khác thẳng con lớn, khóc ra máu rồi chết ; Phước tăng thấy mẹ chết rồi, không có lòng thương xót ; ở ngoài đường huê nõa liêu hiệp với chúng bạn ăn chơi, phát lên chứng bệnh ho lao, rồi chết. Ông Thiện-hữu bình nhật tuy không bằng lòng, ngày nay vợ con chết hết, quanh hiu một mình, ngậm ngùi thương nhớ, nói : tôi không có làm tội nghiệp chi, mà ngày

nay mắc quả báo vậy ; hai thằng con tôi cầu khẩn tại miếu Đông-nhạc-đế ; ai dè ngày nay diêm chúa bắt hết. Đông-nhạc-đế có lý nào không hay, không biết ; dè tôi tới cáo tố với ngài, ngài có linh bắt diêm chúa đem vợ con mà trả lại cho tôi. Nói rồi đi qua miếu Đông nhạc khóc cáo : tôi trọn đời làm lành ; vợ con tôi không gây tội gì, có gì diêm chúa bắt đi hết, dè một mình già trở trẻ ; cúi trông đức thần minh, bắt diêm chúa truy cho ra việc này ; thiệt quả tôi có tội, tôi cam chịu nghiệp báo, tôi chết cũng bằng lòng. Cáo tố vừa rồi lẫn khóc dưới đất : một hồi mê một ngã xuống nằm mơ màng, thấy quý sư lên nói : diêm chúa dạy bắt nhà ngươi. Ông Thiện-hữu nói : tôi muốn thấy diêm chúa lâu lắm, đặng tôi hỏi cho ra việc này. Nói rồi đi theo quý sư dẫn về. Diêm chúa phán hỏi : Thiện-hữu, mày lấy thế gì, đi đến miếu Đông-nhạc-đế cáo tao ? Thiện-hữu quý nói : muốn tâu lịnh gia, vì vợ con tôi không gây tội nghiệp chi, có gì ngài sai quý-sư lên bắt hết ; đau đớn lòng tôi nên tôi đến than tỏ cùng đại đế làm chứng cho tôi. Diêm chúa phán hỏi : mày muốn thấy hai thằng con mày hay không ? Ông Thiện hữu quý tâu : tôi muốn thấy. Diêm-chúa dạy quý sư dắt ra ; thấy tên Khất-lăng cùng Phước-tăng hai người đi ra, Thiện-hữu vui mừng chẳng xiết liền hỏi : Khất-lăng, có gì con bỏ cha mà đi cho đành ? Khất-lăng nói : Triệu-diệu-Ngọc là tôi đây, ngày trước tôi trộm lấy của chủ sáu chục lượng bạc, ngày nay tôi trả hẳn lợi trên mấy muôn rồi. Thiện hữu thấy thằng lớn nói vậy, dạy lại hỏi Phước-tăng làm sao con bỏ cha mà đi đâu ? Phước-tăng nói : Tiền thân tôi là hòa-thượng chùa ở núi Ngũ-dài-Sơn, thiếu bạc oan rai tôi mấy muôn, nay người trả rồi thì thôi, tôi với ngài vô can. Thiện hữu nghe nói kinh hãi nói : tôi nào thiếu bạc của ông hòa thượng, phải chi có vợ tôi đây, đặng tôi hỏi cho ra việc này. Diêm chúa nói với Thiện hữu :mày muốn thấy vợ mày cũng chẳng khó, dạy quý sư mở cửa thành phong đờ, dẫn Lý thị ra đây. Thiện hữu nhìn thấy vợ cò

mang gông xiềng, đứng giữa sân châu. Thiện hữu hỏi vợ: bà gầy tội nghiệp chi, mà nay bị khổ như vậy? Lý thị nói: ngày trước nhân tôi lòng tham vô cùng, đoạt bạc của ông hòa thượng gởi, nay tôi chết, Diêm chúa dạy phải ngồi đủ mười tám tầng địa ngục, tôi chịu các đều khổ vô cùng. Ông Thiện hữu nói: bạc đó tôi dạy trả cho ông hòa thượng, ai dè bà tham tâm đoạt lấy, ngày nay lại than khổ, mình làm thời mình phải chịu ai thế đặng? Lý thị nói: tôi với ông cương thường đạo cả; tình thâm la chông vợ, làm sao ông cũng phải gắng chí mà cứu tôi. Nói rồi chạy níu chông khóc rống lớn. Diêm chúa nổi giận đập dưới ghế nạt một tiếng lớn. Thiện-hữu dụi mình thức dậy, xem lại mình còn nằm dưới bàn án Đòng-nhạc-đế, rõ ràng thiệt là chiêm bao, xét tỏ đặng mình mắc oan gia trái chủ. Từ đấy Thiện-hữu hết than khóc, sau quy y đầu Phật, tu hành thành chánh quả.

CON CÁ LÝ NGƯ BIẾN THÀNH RẮN ĐỘC

Quận Trường-kê có 1 người dân tên Trần-ngươn, sanh lý làm nghề chài lưới, có một ngày đó, ba mẹ nhớ con, đi đến mà thăm. Trần-ngươn thấy mẹ thì mặt buồn không vui, bà mẹ thấy vậy quay về; người dâu chạy ra nói: Mẹ mời qua ở chơi với con ít ngày rồi sẽ về. Qua ngày sau Trần-ngươn đi chài đặng một con cá lý ngư lớn, sợ bà mẹ ở lại ăn, đem cá dẫu đi, nói dối đi chài bữa nay sóng to gió lớn, không có con chi hết; chờ bà mẹ về rồi, trách người vợ nói: ngày hôm qua lao đi chài đặng con cá lý-ngư ngon lắm; tại may cầm bà già ở lại, nên lao không đem ra. Nói rồi chạy vào bắt con cá, chẳng dè nó đã biến ra con rắn độc nhe yết-hầu Trần-ngươn mà mổ chết tươi.

Lời đức Liên-tri khuyên tăng chúng: kính khuyên các vị xuất-gia tu hành học đạo phải giữ cho bền việc trai giới, không nên dễ trễ nải, thân mạng này không chừng sớm còn tối mất, giây phút qua đời, mau hơn nước trên nguồn chảy xuống, phải đem tâm chí thành niệm Phật, cần tu

như cứu lửa cháy dầu, phàm có vị nào cần khi tối dốt, đời nay chưa dựng tổ ngộ đạo-lý màu nhiệm, phải phát tâm chánh tín niệm Phật, nhờ nguyện lực đức A-di-đà, diu dắt mình về cảnh tây-phương, như mình về đặng đó rồi. lo gì chẳng dựng tổ ngộ, cũng như trong dòng kim chi ngọc điệp k a cùng là mấy vị ẩn quan đó, không cần chi thi khóa mà sợ rớt, tức cao-lộc nhiều sẵn có rồi.

Thuật-giả Cư-Si pháp danh Minh-đăng
nguyên chánh tri Bộ Lê-dinh-Hoa
Làng Mỹ an, tổng Bình-thanh, tỉnh Vinh-long

CHỨNG GIẢI TRIỆT-LÝ ĐẠO PHẬT

BẰNG NHỮNG CÂU CA - ĐẠO NGẠN - NGŨ
(Bài giảng của cụ Nguyễn-hữu-Tiến giảng tại
chi hội Phật - Giáo Bắc-Ninh và Ninh-Binh)

Na-mô A - di - đà - Phật,

Thưa các cụ, thưa các ngài,

Thưa chư-lăng cùng các giáo-hữu,

Xưa nay nước nào cũng phải nhờ có một tôn - giáo để mà duy-tri lấy nhân-tâm phong-tục trong một nước. Tôn giáo vẫn thường đi kèm với chính-trị pháp-luật. chính-trị pháp-luật dễ răn trị kẻ làm ác nó đã hình hiện ra rồi, có chừng cỡ hẳn hoi, chứ như tôn-giáo thì ngấm ngấm rần rần, cái mầm ác nó mới mọc ra ở trong tâm người ta, vì họ sợ về cái thuyết tôn-giáo bảo rằng làm ác thì phải sa-đọa vào địa-ngục, nên người ta đã phải chừa bớt cái tâm làm ác đi rồi.

Tôn-giáo này mà đã dầm thắm vào nhân-tâm phong tục

lâu đời, thì tự nhiên nó phát ra những câu ca dao ngôn ngữ có nhiều cái triết-lý của tôn-giáo ấy. Hằng ngày người ta thường đem những câu ca dao ngôn ngữ ở cửa miệng răn bảo nhau luôn, chính là đem cái triết lý của tôn giáo ra mà bảo nhau đấy,

Tôn giáo nhà Phật truyền sang nước ta kể đã lâu đời, đã đến mấy nghìn năm nay, trong nước nơi nào cũng có chùa thờ Phật, nhất là đời Lý, đời Trần có nhiều các vị cao tăng đã đem giáo lý nhà Phật truyền bá cho khắp cả nhân gian, thế thì Phật-giáo đã đâm thấm vào nhân tâm phong tục nước ta rất nhiều, nên mới phát ra những câu ca dao ngôn ngữ có nhiều câu ngụ có cái triết - lý của đạo Phật rất hay.

Tôi nghe được những câu ca dao ngôn ngữ ấy phần nhiều là sở đắc về triết-lý của đạo Phật cả, thế thì muốn chứng giải triết-lý của Phật-giáo, gì hằng đem ngay năm ba câu ca dao ngôn ngữ thông thường ấy, để cố gắng hiểu các ngài, cùng giải nghĩa ra cho rõ, có câu nào khó giải, hoặc giải lăm, xin các ngài giải hộ cho, cũng là một cách nghiên-cứu về đạo Phật.

Đức Phật-tổ Thích Ca Mâu-ni vì ngài có lòng thương xót chúng-sinh mê-muội trầm-luận trong bể khổ, nên Ngài mới giảng-sinh xuống cõi Sa-bà này để cứu độ cho chúng sinh giải-thoát vòng khổ-não.

Trước nhất Ngài độ cho phái xuất gia là chư tăng, chư ni, phái tăng ni lại đi truyền giáo mà phò độ cho chúng sinh. Nhưng ngài nghĩ rằng độ một phái xuất gia mà thôi thì chưa đủ, phải độ cho cả phái tại gia nữa là các tín ông lão bà, thiện nam tín nữ, mới được khắp cả các hạng người. Thế thì xuất gia là đi tu, mà tại gia cũng là tu, tại gia như chúng ta đây cũng là tu cả. Không biết rằng xuất gia tu khó, hay là tại gia tu khó hơn? Ta có câu rằng:

Thứ nhất thì tu tại - gia,

Thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa.

Tu tại gia sao lại là thứ nhất ? Có phải là khó thứ nhất không? Vì tại gia thì còn nhiều mối hệ lụy : nào là đàn bà thì hệ lụy về chồng con, đàn ông thì thế chóc tử phọc, trên thì thờ cha kính mẹ, sao cho trọn vẹn; ngoài thì đối đãi với họ hàng tộc thuộc, giao thiệp với xã hội, biết bao nhiêu là mối hệ lụy, lại còn bao nhiêu những mối vật dục, bó dề dề, mỗi xa hoa nó cảm dỗ, sao cho khỏi say đắm mê man, phá giàu sang thì thấy mối nợ ham mỗi kia, tham thanh chuộng lạ, nhà nghèo khó thì ăy bữ, nay lo bữa mai, gào đói kêu ré, tại gia như thế còn lúc nào mà tu cho được. Thế mà có người tại gia kia vẫn giữ một mực tu trì, giữ được giới hạnh tối, không vì những mối hệ lụy kia mà nản lòng, không bị những mối vật dục : nợ nó cảm dỗ, vẫn giữ được hạnh kiểm đoạn chính, đạo đức cao thượng, tu tại gia như thế chẳng giỏi lắm ru !

Từ nay khép cửa buồng tu,

Chẳng tu thì cũng như tu khác gì.

Tu được như thế có phải là giỏi không ? Có phải là khó thứ nhất không ?

Tu chợ thế nào mà khó thứ nhì ? Chợ không phải là nơi chợ búa mà thị, tức là những nơi thành thị phố phường có nhiều mối danh lợi, người ta hay đua tranh nhau, đã đua tranh nhau thì phải ăy hơn nói kém, đong đầy khẩu với lừa lật lẫn nhau, như thế còn tu sao cho được. Thế mà có người ở chốn thành-hị kia, vẫn giữ một mực thực thà không lường gạt ai, không ganh tị ai, không có cái thói hàng thít nguyệt hàng cá, trong cái chỗ phố phường chợ búa nhiều thói lá-lay điên-ảo, mà mình vẫn giữ được cái tiếng ngay-thắng hiền-từ, tu như thế có phải là khó thứ nhì không ?

Cửa như xuất-gia tu ở chùa, chùa chính là nơi tu hành rồi, mùi thiền đã hóa muối rửa, màu thiền ăn mặc đã ra nâu sồng; lại còn thêm nhựt gì mùi đời nữa : am thanh

anh vắng, có vương bạn chi chút bụi trần, mà chẳng tu được. Huống-hở trên đời Tam-bảo chứng-minh, lại sẵn có kinh có luật, có thầy có bạn, ngày đêm răn dạy, buổi sớm tụng niệm, buổi tối cảnh-sách, tu chùa như thế thì thế nào mà chẳng chứng được đạo; có phải là dễ hơn tu tại-gia, tu chợ không?

Nói cho phải ra, không kỳ là tu cách nào, tu tại-gia thì bận về nhiều điều hệ lụy, mà tu chợ thì ngổl ngáo mỗi lợi-danh, có phần khó nhất. Nhưng đã một lòng tinh-tiến, một mực tu-trì, thì có thiện-duyên thế nào rồi cũng thành được thiên-quả. Còn như tu chùa nào có phải là dễ đâu, dễ là những bậc chân-tu đã hiểu thấu được cái chủ-nghĩa duy-tâm Phật-học kia. Nếu người nào tu-hành mà còn mang-bách sự đời, lừa lòng chứa tất, không có ra công học-vấn thì kể ra tu chứng được đạo cũng khó.

Thế cho nên các vị tăng ni khi xưa đã xuất-gia đầu Phật thì cần phải có công học-vấn lắm, mới nên được bậc cao-tăng đạo-đức, như là ba vị Trúc-lâm tam-tổ, các vị quốc-sư đời Đinh, đời Lê, trái biết bao là công-phu tu-luyện mới thành được đạo-quả. Nay xét trong đám thiền-lâm không phải là không có các vị đạo-đức, giới-hạnh trang-nghiêm; song đương buổi thiên-học suy-đổi này, câu lấy được nhiều người học-thức uyên-thâm, đạo-đức cao-thượng thì cũng là của hiếm có. Vậy chư-lăng đã nhận là thân-đệ-tử của Phật, thì cần phải có nhiều công-phu học-vấn, mới hay nối dõi được thuyên-đăng của chư tổ.

Đức Phật-tổ cốt dạy người ta trọng nhất về đạo hiếu, là phải đều ơn báo hiếu cho cha mẹ, chứ không nên bội bạc. Ta có câu rằng :

« Bụt trong nhà không thiêng, đi cầu Thích-ca ngoài đường ».

Hay là nói : « Bụt trong nhà không thiêng, đi cầu Thích-ca trên chùa ». Tôi thiết tưởng nói thế nào cũng được, vì rằng khi xưa đức Thích-ca thường đi ra đường khát-thức,

mà độ cho mọi người, thì nói ngoài đường với trong nhà cũng phải : sau khi ngài tịch diệt rồi, mới thờ ở trên chùa, thì nói trên chùa cũng được. Nhưng ta chỉ hỏi rằng : « Bụt trong nhà » là ai ? Cứ theo câu kệ của đức Di-lặc rằng :

*Trên nhà có hai pho tượng Phật,
Thương cho người đời không biết mà ;
Tượng ấy chẳng dùng vàng son phủ,
Cũng chẳng phải gỗ mít tạc ra ;
Tượng ấy chính là cha với mẹ,
Chính là Di-lặc và Thích-ca ;
Nếu cúng-dâng được hai tượng ấy,
Còn phải cầu công-đức đâu xa.*

Chứng như câu kệ ấy thì bụt trong nhà tức là cha với mẹ đấy, hai tượng bụt ấy tức là hai vị Phật sống đấy. Nếu người làm con coi hai vị Phật sống ấy là không thiêng, mà hắt-hủi chẳng nhìn chi-đến, chẳng chịu cúng-dâng cha mẹ, mà chỉ đi cầu Phật cầu tăng, một vài bó vàng thê hương, mà khấn cầu đến hàng trăm thứ phúc, nào là sống lâu giàu bền, làm con nhiều của, Phật Thích-ca cũng phải bật cười, chứ có độ đâu cho những người bất hiếu với cha mẹ ấy. Không biết rằng Phật cũng trọng về nghĩa báo ơn cha mẹ, có kinh dạy về « Báo phụ-mẫu ân trọng kinh » lại giảng về nghĩa báo « từ ân » nữa. Nếu muốn đi cầu đức Thích-ca thì trước phải báo đền ơn cha mẹ cho phải đạo đã, thì đức Thích-ca mới độ cho chứ. Nên có câu :

Tu đâu cho bằng tu nhà,

Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.

Phật lại răn về những điều vọng-ngữ 妄語 là nói càn nói bậy, vọng-ngôn 妄言 là ăn gian nói dối, ý-ngữ 誑語

là nói thêm-dệt bịa-dặt thêm ra, cấm giới nhất là ác-khẩu
惡口 là miệng lưỡi độc ác, lưỡng-thiệt 兩舌 là hai đầu
lưỡi đá đưa nói hơn nói kèm. Xem thế thì Phật vẫn răn
về điều khẩu-quá 口過. có người khẩu-sà 口蛇
mà tâm Phật 心佛. Khẩu-sà là miệng nói độc ác như rắn,
nhưng trong tâm vẫn từ-bi hiền lành, chứ không có điều
độc-ác gì cả. Cái người ấy tôi tưởng còn khá, nhưng cái
khẩu là cái miệng độc-ác, thì đã phạm vào giới ác-khẩu
rồi. Song may cái tâm còn là bụt, thì còn có thể tu được,
chứ như cái người khẩu Phật mà tâm sà thì đáng sợ lắm,
miệng tuy thơn-thớt nói cười, mà trong nhàm-hiền giới
người không đạo, cái người còn có ác-tâm ấy có nên răn
chừa đi không ?

Nên có câu rằng : « Nam-mô một bở dao găm ». một bở
là cái gì ? tức là chỗ cái tâm người ta chứa đựng độc-ác
bằng một cái bở, lúc nào cũng chỉ muốn bắm chém người
không khác gì có dao găm trong bụng. Cái tâm đã độc như
rắn rồi, lại chắt dầy dao găm, thì dầu khẩu Phật đầy
cũng chỉ là giả đạo-đức ở bề ngoài mà thôi. Thế nên
chúng ta trước nhất phải tu lấy cái tâm, phải giữ lấy cái
tâm từ-thiện. để cho toàn lấy Phật-tính mới được. Những
câu tôi dẫn ra đây là ở cửa miệng thế-gian người ta
thường nói, nay đem giải nghĩa ra cho rõ để mọi người
khỏi hiểu lầm đấy mà thôi, chứ không có ý gì chỉ-trích
phái nào cả.

Tu-tâm mà lại tu cả cái khẩu là miệng nữa mới được,
như trên kia đã nói về ngũ-giới, răn chớ vọng-ngôn, vọng-
ngữ, là chớ có nói càn nói dối. Nếu người nào đã quy-y
Tam bảo mà không chừa được cái thói quen nói dối, mà cứ
nói dối như ma, thì tức là mắc vào cái tội khi tâm đầy.
« Ăn mặn nói ngay, hơn ăn chay nói dối ». Nói dối là
minh tự lừa dối cái tâm mình rồi, nếu cái lương-tâm
mình nó biết hối lại, thì nó không chịu nói dối. « Một
nhời nói dối, thì phải sám-hối đến bảy ngày », sám-hối

mà ăn-năn hối-hận, nếu đã chót nói dối, thì trong lương tâm phải ăn-năn hối hận mãi, có khi đến sáu bảy ngày mà vẫn hối-hận.

Người đã tự tu lấy tâm-thân, thì lại cần phải có cái tính nhẫn-nhục 忍辱 mới được, nếu hơi một tí mà đã tức giận lên ùng ùng, sần-cồ ngay lên, thì có khi sinh cầu sinh bậy :

Chữ nhẫn là chữ tương vàng.

Ai mà nhẫn được Ngọc-Hoàng xét soi.

«Tương vàng» nghĩa là dát vàng, ý là qui báu, nhẫn được là qui báu lắm, tu thành Phật cũng do chữ 'nhẫn mà nên, bởi vậy Phật dạy cho người ta phải nhẫn-nhục mà tu, nhẫn-nhục tức là để mà tinh-tiến đấy.

Người ta muốn học cho tinh-tiến, lại còn phải chừa ba cái độc, ba cái độc là gì ? là tham 貪, sân 瞋, si 癡. «Tham» là tham-lam vợ-vét ; «sân» là sần-cồ, tức giận, hung băng; «si» là say mê quyền luyến, nhà Phật sợ nhất là ba cái độc ấy nên dạy bảo người tu-hành trước nhất phải răn chừa ba cái độc ấy đi.

Ta thường có câu rằng :

Chừa dâm, chừa độc, chừa tham;

Chừa ba nết ấy mới làm nên ăn.

Mà thật thế, nếu cái người nào mà gian-dâm hay độc-ác, hay là tham-lam quá độ, tức là mắc vào ba cái độc tham, sân, si đó, thì còn làm gì nên ăn nữa ; mà nhất là cái độc tham. « Tham thì thâm, Phật đã bảo thăm rằng chớ có tham ».

Người ta ai cũng có cái tính ích-kỷ, cái tính ấy mà chừa đi được, thực là khó, nên đức Phật thường đem cái thuyết « Vô-ngã 無我 » để dạy bảo người đời. Thế nào là « vô-ngã », nghĩa chữ « vô-ngã » là không tư-kỷ, không í-h-

kỹ, không nên phân nhân 人 với ngã 我, là người với ta, cái này của người, cái này của ta, rồi thành ra cái tính « ngã chấp 我執 » là cố - chấp lấy phần mình, ý kiến gì cũng cho mình làm phải, lợi-ích gì cũng giữ lấy phần hơn cho mình, đã ngã - chấp như thế thì còn chịu nghe ai, chịu bố-thí ra làm việc gì nữa.

Tu đạo bồ-tát cốt nhất là nghĩa bố-thí. Hai chữ bồ-tát 菩薩, là bởi bốn chữ « Bồ-đề tát-đỏa 菩提薩埵 » nghĩa là làm cho giác-ngộ hết cả mọi loài hữu-tính chúng-sinh, gọi là « Bồ-đề tát-đỏa » mà nói rút lại là « Bồ - tát » Nếu không hiểu nghĩa « Bồ-tát », chẳng có phát-tâm bố-thí để làm những việc thiện - duyên, thì là người chỉ biết ích-kỹ... « Của người Bồ-tát, của ta lạt buộc » đó là cái câu chê những người ích-kỹ, không biết nghĩa « vô-ngã » của đạo Phật, cái gì cũng phân ra người với ta, của người mà phúc ta, của người thì đồ bỏ ra mà bố - thí, của ta thì lấy lạt buộc cho chặt lại, nhân ngã đến như thế thì thành ra « ngã chấp 執我 ». Cái gì cũng chỉ bo-bo giữ lấy phần mình.

Người đã có lòng ích-kỹ, thì còn thương gì ai nữa, chỉ là người phân-lợi, chứ không phải sinh-lợi, sinh-lợi là những nhà nông công làm sinh ra được lợi, phân lợi là những người ngồi không mà chia lợi của đồng-bào, bề ngoài vẫn ra mặt đạo-đức giả, nhân nghĩa vờ, giả có đồ một hồ thóc cho người ta ăn vay, đến mùa lại lấy những bốn bề kia. Nếu có câu rằng :

Na-mô một bờ lấy bốn.

Người ta đã khốn lại còn na-mô.

Ấy những câu ca-dao ngạn - ngữ hàng ngày chúng ta thường nói ở cửa miệng để răn bảo lẫn nhau đó, có biết bao nhiêu là triết-lý đạo Phật, không kể sao xiết được.

Thưa các ngài,

Xét theo lịch-sử và các nhà sử-học, nhiều người phán-đoán cho rằng xứ Trung-kỳ là xứ chịu được cái ảnh-hưởng văn-minh của Phật-giáo nhiều hơn, mà xứ Bắc-kỳ ta là xứ xưa kia chịu cái văn minh của Khổng-giáo truyền sang nhiều nên mới nói rằng : Văn minh Trung kỳ và Cao-mên là văn minh Ấn độ, mà văn minh xứ Bắc-kỳ ta là văn minh China. Nay xét ra thì ở Trung kỳ có nhiều nơi cổ tích của người Chăm, và ở Cao-mên thì còn có chùa Đẽ-hiên Đẽ-thích, kiến trúc một cách tuyệt hảo, lại còn những đồ điêu khắc chạm trổ như là tượng pháp bằng đá, chuông khánh bằng đồng, nhiều đồ cổ điếu được ở Bình-định, thì thực là hảo tuyệt, xét thế thì xứ Trung-kỳ có cái phần văn minh của Phật-giáo nhiều thực.

Xứ Bắc-kỳ ta tuy rằng chịu được nhiều cái văn minh Khổng-giáo, mà về Phật-giáo đắm thắm ở nhân tâm phong tục xứ ta cũng nhiều, không kể những cái thói làm chay làm tiểu, qui Phật, qui tăng, về phần các già có lòng sùng bái đạo Phật. Lại còn nhiều những câu ca dao, ngôn ngữ, ngụ cái triết lý của đạo Phật rất hay, hằng ngày ta thường đem những lẽ nhân quả luân hồi, họa phúc báo ứng, răn bảo nhau, nào là làm thiện được phúc, làm ác phải tội, ở hiền gặp lành, ở ác gặp dữ tan tành ra gió ; Xưa nay ác nghiệp những người, có ai hưởng được lộc giới bền lâu. Có nhân, nhân nữ, không nhân nhân chằm, kẻ có nhân mười phần chẳng khôn, đều là những câu nói về nhân-quả thiện ác, giáo lý của nhà Phật cả, nên nó đã thấm-thía vào nhân-lâm phong-tục ta lâu đời, tự nhiên phát ra những câu nói cửa miệng đều là sở-đặc về Phật-lý, vậy thì chúng ta tu tại-gia, hay tu chợ cứ nhận lấy những câu ca-dao, ngôn-ngữ của ta thường nói đó làm kinh-điển, để làm khuyến làm răn, mà tự tu với nhau ; còn về phần kinh kệ luật luận nghĩa lý sâu xa, đã có các vị tu chùa là chư tăng, ni diễn giảng cho ta. Ta đã tin ngưỡng về Phật

giáo mà tự tu lấy thân 身 ta, thì trước nhất ta phải tu lấy cái tâm 心 dĩ, thiện căn ở tại lòng ta, chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. Tài mà làm gì, ta phải giữ lấy cái tâm nhân-đức, suy lòng bác ái của đức Phật ra mà thương lẫn nhau, rồi lại giữ lấy cái lòng hiếu kính, suy cái nghĩa « báo tứ ân » của đức Phật ra, mà hết lòng đối với cha mẹ, đối với tổ-quốc, đừng có bội nghĩa vong ân, phải cố giữ lấy lòng nhân lòng hiếu, đạo Phật có hẹp gì đâu.

↓ Chân như đạo Phật rất mầu,

Tâm chung chữ hiếu niệm đầu chữ nhân.

Hiếu là độ được song-lân,

Nhân là cứu vớt trăm-luân mọi loài.

Ta tu sao cho giữ được cái chân-như Phật-linh, chớ có Nam-mô mà lấy cả bốn bề, chớ có ăn chay mà nói dối, chớ có khau Phật mà tâm sá, đã tu được cái tâm, thì tâm tức Phật.

Nam-mô A-di-đà Phật

Tú-Tài Nguyễn-hữu-Tiến

VIỆT-NAM THIÊN-TÔNG THẾ - HỆ

Đời thứ hai — Cảm-thành Thiên-sư 感誠禪師 — Cảm thành Thiên-sư, Người quê ở huyện Tiên-du Bắc-ninh, không biết tên tại-gia của Người là gì, chỉ biết từ khi mới xuất-gia đã lấy đạo-hiệu là Lập-đức 立德, trụ trì ở một cái chùa trên núi Tiên-du chuyên việc tụng niệm. Bấy giờ trong làng Phù đổng có một nhà hào-phú là họ Nguyễn lấy làm mển chuộng những đức hạnh của Người, ông muốn đổi cả ngôi gia-trạch của mình ra làm ngôi chùa mà rước Người về ở. Ông bèn đem ý ấy đến nói với Người, nhưng không nhận lời.

Đêm hôm ấy nhà sư Lập-đức nằm mộng thấy Thần-
linh đến báo Người rằng: "Nếu Người theo chỉ ông
Nguyễn thì chỉ trong một vài năm là Người được một
cái phúc duyên tốt-lành lắm". Người thức dậy liền
báo cho ông Nguyễn biết và nhận lời ông mời.

Cái chùa do gia-trạch của nhà ông Nguyễn lập nên mà
nhà sư Lập-đức về ở ấy tức là chùa Kiến-sơ làng Phù-
Đông bấy giờ. Nhà sư Lập-đức về ở chùa Kiến-sơ chưa
được bao lâu thì Vô-ngôn-thông Thiên-sư ở bên Tàu đi
văn-du đến đây, thấy nhà sư Lập-đức có tư chất đáng
là một pháp-khi mai sau, Vô-ngôn-thông Thiên-sư liền
ở lại. Nhà sư Lập-đức phụng thờ Vô-ngôn-thông Thiên-
sư rất thành kính, suốt ngày từ sáng đến đêm và ngày
nào cũng thế, không lúc nào trễ-nhác. Vô-ngôn-thông
Thiên-sư cảm vì tấm lòng Lập-đức rất thành-thực bèn
đặt tên là Cầm-thành Thiên-sư.

Có một ngày kia Vô-ngôn-thông Thiên-sư bảo Cầm-
thành Thiên-sư rằng:

Xưa Đức Thế-tôn vì một nhân-duyên lớn mà
phải xuất-hiện ra đời. Khi hóa-duyên đã châu-tất cả rồi,
Ngài sắp vào cõi nát bần, bèn đem phép diệu-tâm gọi
là chính-pháp nhơn tạng là một phép vốn có thực-tửơng
mà không hiện ra thành tướng, tức là Tam-muội pháp-
môn của Ngài và một cái áo pháp, một cái bát pháp để
truyền lại cho Ma-ha Ca-diếp Tôn-giả là đệ-tử của Ngài.

Ma ha Ca-diếp Tôn-giả bèn thành Sơ-lđ ở trong Thiên-
tông chánh-tông của đạo Phật ta đó.

Từ Sơ-lđ Ma-ha Ca-diếp Tôn-giả truyền đến Đạt-ma
Đạt-Thiên-sư là Tổ thứ 18 ở Tây-thiên. Đạt-ma Đạt-
Thiên-sư bèn vượt bể sang Đông-dộ, trải bao nguy-hiểm,
trèo đèo lặn suối mới truyền được phép diệu-tâm ấy lại
cho Tam-lđ Tăng-sán, Tăng-sán truyền cho Từ-lđ Đạo-
lin, Đạo-lin truyền cho Ngũ-lđ Hoàng-nhân, Hoàng-nhân
truyền cho Lục-lđ Tuệ-năng. Từ Sơ-lđ Đạt-ma đến Lục-

to tự năng, trạo truyen chơn-pháp đều còn lay y-bát lam, mình-chúng vì badi mới; đề nưừi ta để biết mà tin, vờ sự người lin đạo đã rộng vì sáu, mà y bát là cái sự-từng để khiến sinh ra tranh-đoan, nên Lục-tổ không truyền y-bát nữa mà chỉ truyền i-ô-pháp lại mà thôi. C ụ được tám truyền của Lục-tổ bấy giờ là Nam-nhạc. Nhược Thiên-sư. Nhược Thiên-sư truyền cho Mã-tổ Thiên-sư. Mã-tổ Thiên-sư truyền cho Bách-trượng Hải Thiên-sư đó.

Ở bắc phương, đạo Phật thịnh đã lâu những bậc đại-thầy đã nhều rồi, nên ta sang nam-phương đây để tìm người thiên tri thức mà truyền tâm-pháp lại cho. May gặp được ông ở đây, đó, thực cũng là bởi có túc-duyên vậy. Vậy ta đọc cho ông, nghe bài kệ sau này:

諸方浩浩, 妄自喧傳

Chư phương hiệu hiệu, vọng tự huyên-truyền.

謂(1) 吾始祖, 親自西天.

Vị ngô thủy-tổ, thân tự Tây-thiên.

傳法眼藏, 目謂之禪.

Truyền pháp nhãn tạng, mục vị chi Thiền.

一花五葉, 種子綿綿.

Nhất hoa ngũ diệp, chủng tử miên-miên.

潛符密語, 千萬有緣.

Tiềm phù mật ngữ, thiên vạn hữu duyên.

咸謂心宗, 清淨(?) 本然.

Hàm vị tâm tông, thanh tịnh bản nhiên.

1 - Chữ vị 謂 này là « rằng » mà cái nghĩa liền với câu trên thì không hợp với nghĩa truyền đạo-tổn, đạo-hệ ở dưới. Vậy thấy là chữ « duy 惟 » mới hợp với toàn thể nghĩa, lời dẫn trên và bài-kệ này.

2 - Chữ « phù 淨 » này trước là chữ tịnh 淨 mà khác làm

西天此土，此土西天。
Tây thiên thử thổ, thử thổ Tây-thiên.

古今日月，古今山川。
Cổ kim nhật nguyệt, cổ kim sơn-xuyên.

彌塗成滯，佛祖成冤。
Súc đồ thành trệ, Phật-lô thành oan.

差之毫釐，失之百千。
Sai chi hào-ly, thất chi bách-thiên.

汝善觀察，莫瞞兒孫。
Nữ thiện quan sát, mạc chiêm nhi tôn.

直饒問我，我本無言。
Trực nhiều vấn ngã, ngã bản vô ngôn.

Dịch :

Thế-tôn đạo pháp chân truyền,
Mỗi nơi mỗi nói huyền thuyên một đường.
Duy Tổ ta, ở Tây phương,
Đem ý bát mở đạo-trường cõi đông.
Ấy là Sơ-tổ khai tông,
Muôn đời pháp nhơn, một giòng Thiên gia.
Liên-đài năm cánh một hoa,
Cháu con nầy nở riềm-rà mai sau.
Mật-truyền chỉ một vài câu,
Nghìn muôn duyên trứa cả đầu trong này.
Tâm-tông đạo nhiệm-mầu thay,
Trong ngoài thanh-tịnh, xưa giã bản nhiên.
Đạo này chính-thống Tây-thiên,
Từ Tây-thiên đã đem truyền sang đây.
Đất trời xưa cũng thế này,
Non sông sau cũng như giã khác chi.

Nệ thì ngăn mất lối đi,
Mà con cho Phật, ích gì cho ta.
Phải nên cẩn thận mới là,
Hễ sai một mảy liền xa dặm nghìn.
Mỗi lời phải xét kỹ xem,
Chớ lừa con cháu để phiến về sau.
Ấy là đạo cả nghĩa mẫu,
Hỏi gì ta nữa ta nào nói chi.

*Cảm-thành Thiên-sư nghe lời thầy truyền những nghĩa
màu nhiệm trong bài kệ trên ấy thì hiểu thấu cả mà ngộ
đạo từ đó.*

Kế đó có một vị tăng hỏi Cảm-thành Thiên-sư rằng :
« Thế nào là Phật ».

Cảm-thành thiên-sư nói :

- Phật ở khắp cả.
- Thế nào là tâm của Phật ?
- Không hề che đậy chi nào.
- Kẻ học-trò này vẫn chưa hiểu.
- Thế là ông bước trượt qua rồi.

*Ấy cái lối truyền thụ tâm-pháp của Thiên-lông chỉ
giản ước có thế mà bao-hàm vô-cùng.*

*Sau Cảm-thành Thiên-sư một hôm không có tật-bệnh gì
mà mất, bấy giờ là năm Canh-Thìn, Hàm-thông nguyên-
niên, đời nhà Đường.*

D. N. T.



Kinh trình các vị Chánh Đại-Lý ở các Địa-phương

Theo lệ thường từ trước đến giờ, các bài giảng ở các địa-phương đều gửi về hội Trung-ương duyệt định rồi gửi trả lại mới đem diễn, nay các chi Đại-lý đã thành lập nhiều, mà mỗi kỳ giảng, các bài giảng ở các nơi gửi về, đều phải đợi trên hội Trung-ương duyệt xong gửi trả lại thì ngày giờ gấp quá, có khi trạm trễ. Vậy từ nay trở đi, mỗi kỳ giảng trên hội Trung - ương đã lựa một bài giảng, trước kỳ giảng hơn 10 ngày, chi định trong báo Đuốc-Tuệ đề các chi Đại lý đến kỳ giảng đều cứ lấy bài ấy đem diễn cho được nhất chỉ và khỏi phiền phải gửi đi gửi lại chờ đợi mất thì giờ nữa.

Còn ở các chi Đại lý có vị nào làm được bài giảng nào, xin gửi về hội Trung - ương duyệt xong sẽ đăng vào báo Đuốc-Tuệ đến một kỳ giảng sau sẽ chỉ định trong báo Đuốc-Tuệ đề các chi Đại lý đều đem diễn.

Đến kỳ giảng hôm rằm tháng một này, hội Trung-ương trọn lấy bài « Thuyết nhân quả báo ứng » của ông Trần-thúc-Cáp. Huấn-đạo trưởng ban đại lý Hội Phật-giáo Yên Mỹ, đã đăng ở báo Đuốc-Tuệ số 5 và 6. Đến kỳ giảng hôm mồng một tháng chạp thì trọn lấy bài « Chuyện Trúc-lâm tam-tử » của ông Bùi-đức-Tạien đã đăng báo Đuốc-Tuệ số 2 và số 3. Xin tất cả các chi đại-lý các nơi đến kỳ giảng đó đều lấy bài này đem diễn.

CHƯƠNG TRÌNH NGÀY LỄ KHÁNH ĐÀN ĐỨC DI-ĐÀ Ở CHÙA QUÁN-SỨ

(Các chi hội ở đâu cứ làm đấy)

Ngày 16 tháng một (29 Décembre 1936)

- 11 giờ — Chu-tăng làm lễ cúng Phật.
- 2 giờ — Lễ Đại-xám.
- 5 giờ — Đồng-tử lên khóa-lễ.
- 5 giờ 30 — Khóa-niệm.
- 6 giờ — Xám-nguyện.
- 7 giờ 30 — Cư-sĩ lên khóa lễ Tứ-thập-bát-nguyện.

Ngày 17 tháng một (30 Décembre 1936)

- 8 giờ — Học-sinh lớp Tiểu-bọc lên khóa lễ.
- 10 giờ 30 — Chu-tăng dâng lễ lục cúng.
- 2 giờ — Khai kinh tụng Đại Di-Đà.
- 5 giờ — Đồng-nữ lên khóa lễ 48 nguyện.

(Có làm một lễ nhiều Phật hát khúc Nam-mô và hòa nhạc khúc Nam - mô là một khúc nhạc mới chế dùng trong nhà Phật).

6 giờ 30 — Học-sinh đại-bọc lên khóa Đại-lễ.

8 giờ — Cư-sĩ Thuyết-Pháp (diễn thuyết xong có tặng các vị đến dự lễ một quyển kinh « Tứ-thập bát-nguyện »).

PHỔ CÁO

Bản báo có tiếp được chiếc mandat 1500 số 067 ở lại Saigon Central gửi đề M. Cung đình Bình, nhưng không có thơ nghiêm theo, cho biết rằng ai trả tiền báo. Vậy bản báo trông mong vị nào có chiếc mandat trên kia, xin viết thư ngay cho bản báo được biết để liện việc sổ sách.

Đ. T.

MỘT VỊ ĐẠI ĐẠO SƯ HUẾ VỪA QUY TÂY CHÂU PHẬT

Ngài Giác-tiên đại-đạo-sư là giám-viện chùa Trúc-lâm ở kinh thành Huế và là đốc-giáo trường tăng học của hội Phật-học Trung-kỳ. Hồi hội ta làm lễ suy tôn Bắc-kỳ Thuyền-gia pháp-chủ, ngài cùng với cụ Chánh hội trưởng hội Phật học Trung kỳ, thái tử thiếu bảo Nguyễn-khoa-Tân có ra chứng kiến lễ ấy. Trong một tuần các ngài lưu tại Hanoi, các nhân viên trong hội ta được thân tiếp cái đạo phạm, lắng nghe cái pháp luận của ngài, ai cũng lấy làm khâm phục. Ngày 17 Novembre 1936 vừa rồi, đột nhiên ngài thị-tịch. Lễ tổng táng đã cử-hành một cách rất long-trọng vào hồi 3 giờ chiều ngày 22 Novembre 1936. Tất cả hội-viên hội Phật-học Trung-kỳ, các thiện-tin ở Huế và các tỉnh lân-cận cùng các ngài thay mặt chính-phủ Bảo-hộ và Nam triều đều có đến dự lễ một cách ân cần mến tiếc.

Trong dịp buồn rầu ấy, cụ hội-trưởng hội ta cũng có đánh điện-tín, gửi thơ vô tổ tình ai-diệu và chia buồn với quan viên hội Phật học Trung kỳ. Lại có ủy sư cụ Quận phương Trần thanh Thuyền và sư ông Tổ liên đem đồ phúng viếng Huế làm lễ diếu tang.

Bản báo xin trân trọng một lần nữa tỏ lời mến tiếc Giác tiên đại đạo sư và chia buồn cùng các quan viên hội Phật học Trung kỳ.

Hộp Thơ

Những vị đã trả tiền báo bằng mandat như sau này :

M.M. Lê Tấn Sĩ ở Tân An, Đỗ đình Bào ở Kiến An, Mme Chơn Ngân ở Sadec, Phạm văn Hai ở Thudau mot; Nguyễn Tuy ở Thanh-hóa, Lê văn Neo ở Thọ-nốt, Ban biện Bé ở Châu - đóc; Lê văn Dĩa ở Can-tho, Trần văn Đất, Đỗ hữu Giáo, Hoàng thanh Cừ ở Vinh long, Lê tấn Trụ ở Mytho, Huỳnh công Chánh et Nguyễn duy Hình ở Bentre, Ngô văn Can ở Thanh hóa, Tạ văn Cơ ở Hanam, Lê văn Lộc, Nguyễn duy Thu, Phạm quang Thiện ở Huế. Cùng ông Đỗ mai Phúc ở Vientiane. Bản báo đã nhận được chiếc mandat 7\$00 : 3\$00 trả tiền báo của ngài, và M. Trần nhi Tư et Lê văn Trung, còn 4\$00 thời 1\$00 niên liêm của ngài, và 3\$00 của bà Lê thị Lệ vào chân chủ trì hội Phật-giáo. Xin cảm ơn Ngài.

Trả lời ông Bùi văn Hương Namdinh. Quyền Chiêu mộ nhị thời. do ông Nguyễn hữu Kha, Quản lý nhà in Đuốc-Tuệ xuất bản rất tiện lợi cho sự tu trì yếu ước của người tu tại gia, mà giá liền chỉ hết 0.80. Vậy xin giới thiệu để ông rõ. Còn số tiền báo cũng đã nhận được.

Cùng các nhà đại lý báo Đ. T. Cho được tiện việc sổ sách cuối năm. bản báo mong rằng các vị đại lý đã lâu báo cổ động bán giúp, thời xin mau mau làm relevé gửi trả lại những số còn thừa về cho. Trân trọng cảm ơn trước.